TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 21 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Minh H,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị Ngọc A,** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Phạm Minh H** và chị **Hoàng Thị Ngọc A.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Phạm Minh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là **Phạm Khánh H**, sinh ngày 29/12/2008, chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung là **Phạm Thu H,** sinh ngày 10/12/2012. Hiện hai con chung đang ở cùng anh H và chị A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh H, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh H được quyền sử dụng thửa đất số 34 tờ bản đồ 29 diện tích 1058,2 m^2, địa chỉ Khu 7, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 009392 do UBND huyện Thanh Ba cấp ngày 17/6/2016 cho

chủ sử dụng đất là Phạm Minh H) và được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản trên đất và các vật dụng trong gia đình. Đồng thời anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị A 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) thời hạn thanh toán 14/11/2019.

Nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết.

Kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, người có nghĩa vụ nếu châm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Anh Phạm Minh H nhận nộp tất cả án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng).* Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001795 ngày 28 tháng 8 năm 2019. Hoàn trả cho anh H 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Thanh Ba;
- UBND xã V, H. T, tỉnh Phú Thọ.
- Chi cục Thi hành án DS H. Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Vũ